**GIỚI THIỆU**

**MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CƠ BẢN CỦA LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 80/2025/NĐ-CP NGÀY 01/4/2025 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ TỔ CHỨC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Ngày 19/02/2025, tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9, Quốc hội đã thông qua Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2025 (thay thế Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 đã thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng về tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, gắn với xây dựng pháp luật, theo đó, Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 đã có những quy định mới về tổ chức thi hành văn bản QPPL gắn với trách nhiệm và nguồn lực trong tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

**I. NHỮNG NỘI DUNG MỚI CỦA LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**1. Nội dung và trách nhiệm tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

Điều 59 Luật Ban hành văn bản QPPL quy định cụ thể các nội dung tổ chức thi hành văn bản QPPL, bao gồm:

(i) Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

(ii) Giải thích Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

(iii) Phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật;

(iv) Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; tiếp nhận và xử lý đề nghị, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ.

(v) Giám sát, kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 cũng quy định: Tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật phải bảo đảm công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời, khoản 3 Điều 59 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, người có thẩm quyền trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thi hành, theo dõi và sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản QPPL; Báo cáo hoặc cung cấp thông tin về tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật và giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

**2. Trách nhiệm và nguồn lực trong tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

Điều 68 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong tổ chức thi hành văn bản QPPL. Theo đó, người đứng đầu của cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong tổ chức thi hành văn bản QPPL.

Điều 70 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 quy định cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền phải bảo đảm cơ sở vật chất, bố trí kinh phí để tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản QPPL. Bên cạnh đó, Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 cũng quy định, ngoài kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp, các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền thực hiện tổ chức thi hành văn bản QPPL được sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ cơ sở vật chất, kinh phí cho cơ quan nhà nước trong công tác tổ chức thi hành văn bản QPPL.

**II. NHỮNG NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 80/2025/NĐ-CP NGÀY 01/4/2025 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ TỔ CHỨC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Để triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL kịp thời về việc giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 59 về tổ chức thi hành văn bản QPPL, ngày 01/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2025/NĐ-CP về tổ chức thi hành văn bản QPPL (Nghị định số 80/2025/NĐ-CP), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2025.

Nghị định số 80/2025/NĐ-CP gồm 04 chương và 19 điều, cụ thể như sau:

**1. Chương I - Những quy định chung (gồm 03 điều, từ Điều 1 đến Điều 3)**

Chương này quy định những nội dung mang tính khái quát về phạm vi điều chỉnh; nguyên tắc tổ chức thi hành pháp luật; kinh phí bảo đảm cho tổ chức thi hành pháp luật.

***1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)***

a) Nghị định này quy định chi tiết khoản 3 Điều 59 Luật Ban hành VBQPPL về trách nhiệm tổ chức thi hành, theo dõi, sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo, cung cấp thông tin về tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi chung là tổ chức thi hành pháp luật).

b) Nghị định này quy định các biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL về tổ chức thi hành pháp luật gồm:

- (i) Trình tự xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

- (ii) Trình tự hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

- (iii) Thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

- (iv) Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật;

- (v) Trách nhiệm và quản lý nhà nước về công tác tổ chức thi hành pháp luật.

c) Việc giải thích Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, giám sát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL và các quy định về hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

d) Việc ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, biện pháp cụ thể để thi hành văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL và các quy định khác của Chính phủ.

đ) Việc phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.

***1.2. Nguyên tắc tổ chức thi hành pháp luật (Điều 2)***

# Lần đầu tiên những nguyên tắc cơ bản, đặc trưng của hoạt động tổ chức thi hành pháp luật được quy định cụ thể trong một VBQPPL, làm rõ hơn quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Ban hành VBQPPL “*Tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật phải bảo đảm công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả.*”. Theo đó, Nghị định quy định 05 nguyên tắc tổ chức thi hành pháp luật:

a) Khách quan, toàn diện, công khai, kịp thời, hiệu quả; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; có trọng tâm, trọng điểm.

b) Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, có kiểm tra, giám sát giữa các cơ quan nhà nước, sự tham gia của cá nhân, tổ chức trong tổ chức thi hành pháp luật.

c) Bảo đảm sự gắn kết giữa tổ chức thi hành pháp luật với xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

d) Bảo đảm không cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

đ) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổ chức thi hành pháp luật.

***1.3. Kinh phí cho tổ chức thi hành pháp luật (Điều 3)***

Nghị định bổ sung quy định về kinh phí cho tổ chức thi hành pháp luật, cụ thể:

a) Kinh phí cho tổ chức thi hành pháp luật do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và nguồn hỗ trợ từ các dự án, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm bảo đảm và ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị làm việc, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổ chức thi hành pháp luật.

**2. Chương II - Tổ chức thi hành pháp luật (gồm 11 điều, từ Điều 4 đến Điều 14)**

Chương này quy định chi tiết và biện pháp thi hành về kế hoạch triển khai thi hành VBQPPL; Hướng dẫn áp dụng VBQPPL; Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành VBQPPL; Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về VBQPPL; Tiếp nhận và xử lý kiến nghị về VBQPPL; Sơ kết, tổng kết việc thi hành VBQPPL; Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật; Cung cấp thông tin về tổ chức thi hành pháp luật; Kế hoạch theo dõi việc thi hành VBQPPL; Thu thập thông tin về thi hành VBQPPL; Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật, cụ thể:

***2.1. Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 4)***

Điều 4 Nghị định quy định về các VBQPPL quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 phải được xây dựng kế hoạch triển khai thi hành. Đây là điểm mới trong việc quy định phương thức xác định loại VBQPPL bắt buộc phải xây dựng Kế hoạch triển khai thi hành, tạo sự đồng bộ, thống nhất cho quá trình triển khai thực hiện. Quy định này dựa trên việc xác định đây là những VBQPPL trong quá trình ban hành đã phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách, thường có phạm vi, đối tượng chịu sự tác động lớn, đặt ra nội dung, yêu cầu trong tình hình mới hoặc làm hạn chế quyền con người, quyền công dân. Vì vậy, để tổ chức thi hành các văn bản này bảo đảm công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả và góp phần gắn kết giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, văn bản sau khi thông qua hoặc ban hành phải có một lộ trình triển khai cụ thể, phù hợp, khả thi.

Đồng thời, Nghị định cũng có các quy định theo hướng mở, linh hoạt đối với những hình thức VBQPPL khác, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản đó sẽ quyết định việc ban hành kế hoạch triển khai thi hành để bảo đảm sự phù hợp, tránh việc ban hành kế hoạch chồng kế hoạch, lãng phí, kém hiệu quả và tăng cường tính tự quyết định của các chủ thể có liên quan trong tổ chức thi hành pháp luật.

***2.2. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật (Điều 5)***

Điều 5 Nghị định bám sát nội dung quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL về hướng dẫn áp dụng VBQPPL. Bên cạnh việc tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc cơ quan ban hành VBQPPL là cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn áp dụng VBQPPL, Nghị định đã làm rõ việc ủy quyền hướng dẫn áp dụng VBQPPL được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và quy định của pháp luật có liên quan để bảo đảm phù hợp với thực tiễn thực hiện hoạt động hướng dẫn áp dụng VBQPPL thông qua cơ chế Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn áp dụng VBQPPL; Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc hướng dẫn áp dụng VBQPPL.

Bên cạnh đó, Nghị định đã quy định chi tiết trình tự, thời hạn thực hiện tiếp nhận và xử lý đề nghị, kiến nghị hướng dẫn áp dụng VBQPPL, trách nhiệm đăng tải văn bản hướng dẫn áp dụng VBQPPL trên Cổng, Trang thông tin điện tử của cơ quan hướng dẫn áp dụng hoặc trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

***2.3. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 6)***

Điều 6 Nghị định đã quy định theo hướng quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành VBQPPL cũng như có sự phân công, phân cấp cụ thể cho từng chủ thể trong việc hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành VBQPPL, cụ thể:

- Cơ quan, người có thẩm quyền tự mình hoặc theo văn bản đề nghị hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện cung cấp thông tin, giải pháp, biện pháp, cách thức thực hiện quy định của văn bản quy phạm pháp luật cho từng trường hợp cụ thể.

- Thẩm quyền hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật:

+ Bộ, cơ quan ngang bộ hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của mình cho tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của mình cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp dưới;

+ Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước phân công cơ quan, đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn và quy định trình tự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Bên cạnh đó, Nghị định quy định cụ thể việc tiếp nhận và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật; trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc công khai kết quả hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng, Trang thông tin điện tử của cơ quan mình hoặc bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

***2.4.* *Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về văn bản quy phạm pháp luật (Điều 7)***

Điều 7 Nghị định xác định đối tượng được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về VBQPPL là cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí việc làm chịu sự điều chỉnh trực tiếp của VBQPPL. Đồng thời, để tạo sự thuận lợi, rõ ràng trong việc xác định trách nhiệm tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về VBQPPL, khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Nghị định đã có những quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về văn bản quy phạm pháp luật.

***2.5. Tiếp nhận và xử lý kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật (Điều 8)***

Nghị định quy định một cách tổng thể, toàn diện về việc tiếp nhận và xử lý kiến nghị về VBQPPL tạo sự kết nối, hệ thống trong việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị*.* Theo đó, Nghị định đã quy định theo hướng phân loại theo các trường hợp tiếp nhận, xử lý kiến nghị về VBQPPL và có quy định dẫn chiếu cụ thể, bảo đảm rõ cơ sở pháp lý cho việc triển khai, thực hiện:

- Trường hợp kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật được gửi trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật thì việc tiếp nhận và xử lý kiến nghị được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật.

- Trường hợp kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật được gửi trực tiếp bằng văn bản đến cơ quan, người có thẩm quyền hoặc qua Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân thì việc tiếp nhận và xử lý kiến nghị được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Trường hợp kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật thì việc tiếp nhận và xử lý kiến nghị được thực hiện theo quy định về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

***2.6. Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 9)***

Để khắc phục tình trạng hoạt động sơ kết, tổng kết việc thi hành VBQPPL là một hoạt động phổ biến, cần thiết cho quá trình đánh giá sau một thời gian thi hành, phục vụ việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhưng vẫn có khoảng trống khi chưa được quy định cụ thể, để hoạt động này đi vào nền nếp, vừa có tính linh hoạt vừa cụ thể trong triển khai thực hiện, Nghị định quy định cụ thể về trách nhiệm, thời gian, hình thức, nội dung của hoạt động sơ kết, tổng kết việc thi hành VBQPPL. Theo đó, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản tổ chức sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật quy định từ khoản 2 đến khoản 6 Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Tổng Kiểm toán nhà nước chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành hoặc liên tịch ban hành; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành.

Bên cạnh đó, Nghị định quy định việc tiến hành sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật dựa trên một trong hai căn cứ: (i) Theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật đó; (ii) Theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

Căn cứ vào tính chất của văn bản quy phạm pháp luật, nội dung, yêu cầu của việc sơ kết, tổng kết, cơ quan có trách nhiệm tổ chức sơ kết, tổng kết lựa chọn một trong hai hình thức: (i) Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết; (ii) Tổng hợp thông tin, xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết.

Đồng thời, Nghị định cũng quy định cụ thể những nội dung cơ bản của báo cáo sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật: (i) Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; (ii) Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật; (iii) Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; (iv) Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn; (v) Kiến nghị giải pháp để khắc phục khó khăn, vướng mắc, biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; (vi) Những nội dung khác (nếu có).

***2.7. Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật (Điều 10)***

Để bảo đảm tính bao quát, toàn diện trách nhiệm của các chủ thể trong báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật, Nghị định không chỉ quy định trách nhiệm báo cáo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà còn quy định cả trách nhiệm của các cơ quan ngoài cơ quan hành chính nhà nước trong việc báo cáo, cụ thể:

- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực được giao quản lý gửi về Bộ Tư pháp;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình gửi về Bộ Tư pháp.

- Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước phân công cơ quan, đơn vị tham mưu, xây dựng báo cáo và quy định nội dung báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình gửi về Bộ Tư pháp.

- Bộ Tư pháp giúp Chính phủ tổng hợp báo cáo của các cơ quan, xây dựng báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật trong phạm vi toàn quốc.

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

Ngoài ra, Nghị định đã bổ sung các Mẫu báo cáo để thống nhất thực hiện và dẫn chiếu phương thức gửi, nhận báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

***2.8. Cung cấp thông tin về tổ chức thi hành pháp luật luật (Điều 11)***

Điều 11 Nghị định đã quy định toàn diện trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác có liên quan trong việc tổ chức thi hành pháp luật. Đồng thời, quy định cụ thể từng nội dung thông tin mà cơ quan hành chính nhà nước yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền cung cấp. Việc quy định về cung cấp thông tin về tổ chức thi hành pháp luật phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các chủ thể trong phối hợp tổ chức thi hành pháp luật.

***2.9. Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 12)***

Điều 12 Nghị định đã kế thừa những quy định của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP trong việc xây dựng kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật và có sự phát triển, bổ sung cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. Theo đó, Nghị định đã bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục, thời gian, thời hạn để bảo đảm việc ban hành kế hoạch được kịp thời, đầy đủ, phù hợp với thực tiễn triển khai trong thời gian qua, cụ thể:

- Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của năm sau, kết quả hoạt động giám sát của Quốc hội, nội dung trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, kiến nghị của cử tri và thực tiễn thi hành pháp luật, xây dựng kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành (sau đây gọi chung là kế hoạch trọng tâm, liên ngành), trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch trọng tâm, liên ngành, căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của năm sau, kết quả hoạt động giám sát của Quốc hội, nội dung trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, kiến nghị của cử tri, kế hoạch trọng tâm, liên ngành hằng năm của Thủ tướng Chính phủ và thực tiễn thi hành pháp luật trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với các tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang Bộ trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của bộ, cơ quan ngang bộ và gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch trọng tâm, liên ngành, căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách địa phương, kết quả hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân cùng cấp, kiến nghị của cử tri, kế hoạch trọng tâm, liên ngành hằng năm của Thủ tướng Chính phủ và thực tiễn thi hành pháp luật ở địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương và gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

***2.10. Thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 13)***

Nghị định đã quy định về các nguồn thông tin về thi hành VBQPPL; Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý kết quả trong phạm vi thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả thi hành VBQPPL thu thập được theo một hoặc một số nội dung sau đây:

(i) Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới VBQPPL;

(ii) Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành VBQPPL;

(iii) Giải thích Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

(iv) Kiểm tra, rà soát, xử lý đối với VBQPPL trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp;

(v) Hướng dẫn áp dụng VBQPPL; tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ;

(vi) Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm hiệu quả thi hành VBQPPL.

Các quy định về thu thập và xử lý thông tin về việc thi hành VBQPPL này được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, quy định tại Luật Ban hành VBQPPL. Nghị định cũng đã sửa đổi theo hướng tăng thời gian Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo việc xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật và gửi về Bộ Tư pháp để tổng hợp, theo dõi từ 30 ngày lên 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xử lý kết quả thi hành VBQPPL.

***2.11. Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật (Điều 14)***

Trên cơ sở kế thừa các quy định còn hợp lý của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định đã bổ sung quy định về phạm vi trách nhiệm kiểm tra như sau:

- (i) Bộ Tư pháp kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; giúp Thủ tướng Chính phủ kiểm tra trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành;

- (ii) Bộ, cơ quan ngang bộ kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

- (iii) Ủy ban nhân dân các cấp kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp dưới trong phạm vi địa bàn quản lý.

Đồng thời, Nghị định quy định trách nhiệm của tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ tham mưu về quản lý nhà nước hoặc giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực; Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật và việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực ở địa phương.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng bổ sung làm rõ nội dung kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật, bao gồm:

- (i) Việc ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật (nếu có), kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tổ chức thi hành pháp luật;

- (ii) Việc thực hiện các nội dung tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; việc thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

- (iii) Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành văn bản quy phạm pháp luật và tính chính xác, thống nhất trong áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền; mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

(iv) Việc bảo đảm các điều kiện về tổ chức bộ máy, nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất cho tổ chức thi hành pháp luật.

Đồng thời, Nghị định bổ sung các quy định về việc đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra, kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật. Hơn thế nữa, Nghị định đã quy định người có thẩm quyền đã ban hành kết luận kiểm tra quyết định kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra. Những quy định này của Nghị định sẽ góp phần khắc phục tình trạng chưa xử lý đến cùng kết quả thi hành VBQPPL đang tồn tại như một hạn chế, bất cập lâu nay, góp phần nâng cao năng lực phản ứng chính sách, kịp thời khắc phục các vướng mắc, bất cập của VBQPPL, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ.

**3. Chương III - Trách nhiệm tổ chức thi hành pháp luật và quản lý nhà nước về tổ chức thi hành pháp luật (gồm 02 điều, Điều 15 và Điều 16)**

Điều 15 Nghị định đã quy định theo hướng làm rõ trách nhiệm của các chủ thể trong tổ chức thi hành pháp luật, cụ thể là: (i) Chính phủ tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; (ii) Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc; (iii) Cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thi hành pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực được phân công; (iv) Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương. Đồng thời, Nghị định cũng bổ sung quy định trách nhiệm của các chủ thể trong tham mưu, giúp tổ chức thi hành pháp luật ở Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương, cụ thể như sau:

- (i) Tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ tham mưu về quản lý nhà nước hoặc giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực, tham mưu giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ.

- (ii) Tổ chức pháp chế ở cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thi hành pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực được phân công.

- (iii) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân các cấp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương.

Về trách nhiệm quản lý công tác tổ chức thi hành pháp luật (Điều 16 Nghị định) đã xác định: (i) Trách nhiệm của Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thống nhất quản lý nhà nước về tổ chức thi hành pháp luật; (ii) Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức thi hành pháp luật; (iii) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức thi hành pháp luật.

**4. Chương IV- Điều khoản thi hành (Gồm 03 điều, Điều 17 đến Điều 19)**

Hiện nay, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương đều đã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2025. Vì vậy, để tạo điều kiện cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương tiếp tục thực hiện thống nhất theo các nội dung đã đề ra trong kế hoạch, Điều 17 (Điều khoản chuyển tiếp) Nghị định quy định: Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2025 của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục được thực hiện theo Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 32/2020/NĐ-CP) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan.

Về hiệu lực thi hành của Nghị định, khoản 2 Điều 18 Nghị định quy định: Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật hết hiệu lực thi hành từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 17 Nghị định này.

Về trách nhiệm thi hành, Điều 19 Nghị định quy định: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

***Có thể thấy***, Nghị định số 80/2025/NĐ-CP đã bám sát quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 để quy định chi tiết và các biện pháp thi hành về tổ chức thi hành VBQPPL, góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc tổ chức thi hành VBQPPL, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

**5. Một số vấn đề cần lưu ý**

Để triển khai kịp thời, toàn diện Nghị định số 80/2025/NĐ-CP, trong thời gian tới, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần quan tâm chỉ đạo, triển khai một số nội dung sau:

5.1. Tổ chức phổ biến, quán triệt sâu rộng các quy định về tổ chức thi hành văn bản QPPL theo quy định tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

5.2. Chỉ đạo tổ chức rà soát các văn bản hiện hành để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản, tạo cơ sở đầy đủ cho việc thực hiện công tác tổ chức thi hành văn bản QPPL tại Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương.

5.3. Chủ động tổ chức hoặc cử công chức, viên chức tham gia đầy đủ các hội nghị tập huấn về tổ chức thi hành văn bản QPPL do Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính) tổ chức.

5.4. Trên cơ sở Điều 4 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP, đối với văn bản QPPL không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản, cơ quan, đơn vị có liên quan quyết định việc xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai (nếu thấy cần thiết) để bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời.

5.5. Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL 2025 và Nghị định này (Điều 5 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP).

5.6. Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2025 đã được ban hành theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 32/2020/NĐ-CP) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan.

5.7. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương có văn bản đề nghị, kiến nghị, phản ánh gửi về Bộ Tư pháp (qua Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính)[[1]](#footnote-1) để hướng dẫn, xử lý kịp thời.

1. Đối với Nghị định số 80/2025/NĐ-CP liên hệ qua SĐT: 024.62739790. [↑](#footnote-ref-1)